

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

Số: 876 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đức Phổ, ngày 20 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Luyện, thường trú tại phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ để thực hiện dự án: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (phương án đợt 20)

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 của UBND thị xã Đức Phổ về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ (phương án đợt 20);

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 222/TTr-TTPTQĐ ngày 12/03/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 117/TTr-TNMT ngày 12/03/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Luyện, thường trú tại phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án: Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (phương án đợt 20) với nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt : **148.957.840 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi đồng)

Trong đó	:	
- Bồi thường, hỗ trợ về đất	:	0 đồng.
- Nhà, công trình, vật kiến trúc	:	148.957.840 đồng.
- Cây cối, hoa màu	:	0 đồng.
- Các khoản hỗ trợ	:	0 đồng.

(Có bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ kèm theo)

2. Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: Sau ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Thời gian bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 2. Quyết định này là căn cứ để Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Sau thời gian quy định tại Điều 1 Quyết định này mà hộ ông Nguyễn Luyện không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng thì Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi gửi tiền vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi và UBND phường Phổ Ninh tham mưu cho UBND thị xã các bước thủ tục tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Văn phòng HĐND&UBND thị xã; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi; Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND phường Phổ Ninh và hộ ông Nguyễn Luyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. / . *huy*

Nơi nhận: *huy*

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND thị xã;
- VP HĐND & UBND TX: PCVP, CV_{thuận};
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Sang



ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

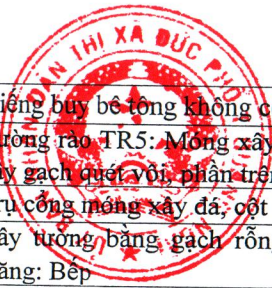
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN DỰ ÁN: TIÊU DỰ ÁN GPMB & TĐC THUỘC DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẮC NAM PHÍA ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐOẠN QUA PHƯỜNG PHỔ NINH (PHƯƠNG ÁN ĐỢT 20)

(Kèm theo Quyết định số 876 /QĐ-UBND ngày 20/3/2024 của UBND thị xã Đức Phổ)

Hộ ông: Nguyễn Luyện
TDP Lộ Bàn, phường Phổ Ninh

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Hệ số điều chỉnh giá đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI						
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC						
1	Nhà cấp IV.B						148.957.840
2	Cộng chênh lệch nền CRM/GHXM nhà cấp IV.B	m2	50,60	40%		3.226.000	65.294.240
3	Nhà VS2: Nhà vệ sinh (có hoặc không có nhà tắm), tường gạch, mái ngói (hoặc tôn), bể tự hoại, tường ốp gạch men cao 1,4m, nền xi măng.	m2	45,20	40%		69.000	1.247.520
4	Cộng chênh lệch nền CRM/XM nhà VS.2	m2	5,00	40%		4.409.000	8.818.000
5	Nhà NK2: Nhà khung gỗ, móng đá (hoặc gạch), tường xây gạch (hoặc đá ong), mái tôn (hoặc ngói), tường trát vữa xi măng không quét vôi, nền láng xi măng.	m2	4,00	40%		185.000	296.000
6	Nhà NK.7-MH	m2	18,80	40%		2.266.000	17.040.320
7	Cộng chênh lệch nền XM/Đất nhà NK,7-MH	m2	32,30	40%		526.000	6.795.920
8	Nhà NK6: Nhà khung gỗ, tường đất (hoặc phen tre, lá dừa), mái tôn (hoặc ngói), không có bố hè, nền đất.	m2	12,90	40%		35.000	180.600
9	Chuồng bò CT1	m2	3,20	40%		1.160.000	1.484.800
10	Cộng chênh lệch nền BTXM/Đất chuồng CT1	m2	31,80	40%		1.136.000	14.449.920
11	Nhà NK.7-MH	m2	31,80	40%		218.000	2.772.960
12	Kết cấu xây gạch hoàn chỉnh (có móng đá): Bậc tam cấp	m2	17,50	40%		526.000	3.682.000
13	Kết cấu bê tông đổ tại chỗ cho cầu kiện độc lập (có cốt thép): Trụ BTCT	m3	0,20	40%		3.360.000	268.800
14	Kết cấu bê tông đổ tại chỗ cho cầu kiện độc lập (có cốt thép): Giằng BTCT	m3	2,10	40%		7.180.000	6.031.200
15	Xây tường bằng gạch rỗng có chiều dày tường >10cm ÷ ≤ 15cm, vữa xi măng	m2	1,70	40%		7.180.000	4.882.400
16	Giếng khoan Ø114 sâu 80m	md	52,80	40%		162.000	3.421.440
			80,00	40%		-	-



17	Giếng bực bê tông không có cốt thép Đường kính < 1m.	md	10,00	40%		1.395.000	5.580.000
18	Tường rào TR5: Móng xây đá chẻ, cột BTCT lắp ghép, tường rào đoạn dưới xây gạch quét vôi, phần trên lắp đặt lưới B40: Đoạn 2-3	m2	27,90	40%		457.000	5.100.120
19	Trụ cổng móng xây đá, cột xây gạch, trát vữa và quét vôi	m3	0,30	40%		3.398.000	407.760
20	Xây tường bằng gạch rỗng có chiều dày tường >10cm ÷ ≤ 15cm, vữa xi măng: Bếp	m2	1,10	40%		162.000	71.280
21	Trát tường vữa xi măng: bếp	m2	2,40	40%		71.000	68.160
22	Kết cấu bê tông đổ tại chỗ cho cấu kiện độc lập (có cốt thép)	m3	0,20	40%		7.180.000	574.400
23	Ôp gạch vào tường, trụ, cột, gạch Ceramic	m2	3,50	40%		350.000	490.000
C	CÂY CỎI, HOA MÀU						
D	Các khoản hỗ trợ						
	Tổng cộng (A+B+C+D):						148.957.840

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi đồng).